TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST
Ngày 23-4-2019
"V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hà.

***Các Hội thẩm nhân dân*:**

1. Ông Nguyễn Văn Biên.

2. Bà Phan Thị Gái.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Thanh Nhàn - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân An – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 10/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc "*Tranh chấp ly hôn"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T (sinh năm 1991); địa chỉ: Tổ 5, phường T1, thị xã H, tỉnh T2.

2. Bị đơn: Anh Trần Lê Trọng H (sinh năm 1992); hộ khẩu thường trú: Khu phố 4, phường 1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ hiện tại: Nhật Bản.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/9/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Khoảng đầu năm 2016, chị Lê Thị T và anh Trần Lê Trọng H quen biết nhau qua sự giới thiệu của bạn bè, sau một thời gian tìm hiểu thì quyết định đi đến hôn nhân. Ngày 07/7/2016, chị T và anh H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T1, thị xã H, tỉnh T2.

Một thời gian ngắn sau khi kết hôn, anh H theo học chương trình kỹ sư tại Nhật Bản. Lúc đầu chị T và anh H vẫn thường xuyên liên lạc, quan tâm giúp đỡ nhau. Tuy nhiên sau đó mối liên hệ giữa anh H và chị T ngày càng thưa dần, dẫn đến nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết. Từ năm 2017, giữa anh H và chị T không còn liên hệ, cuộc sống không còn gắn kết với nhau như mong muốn trước khi kết hôn.

Nay nhận thấy tình cảm giữa vợ chồng không còn, đời sống chung thực tế vợ chồng hoàn toàn không có, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Trần Lê Trọng H.

- Về con chung: Chị T và anh H không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh H không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản trình bày ý kiến ngày 15/01/2019, bị đơn anh Trần Lê Trọng H trình bày: Sau một thời gian kết hôn, hiện nay tình cảm giữa anh H và chị T không còn gắn kết, giữa hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết. Anh H xác định tình trạng hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung phù hợp với lời trình bày của chị T. Anh H cũng nhất trí ly hôn với chị T. Tuy nhiên hiện nay anh H đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản nên không thể đến Tòa án để trực tiếp tham gia giải quyết vụ án được, nên anh đã làm đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân và thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Trần Lê Trọng H là hợp pháp. Tuy nhiên sau khi kết hôn anh H sinh sống và làm việc ở Nhật Bản, còn chị T vẫn đang sinh sống tại Việt Nam, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt và nảy sinh mâu thuẫn không thể giải quyết, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị T đề nghị ly hôn và anh H đồng ý, do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên:

+ Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Trần Lê Trọng H.

+ Về con chung và tài sản chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền của Tòa án: Trong vụ án này, bị đơn anh Trần Lê Trọng H là người Việt Nam hiện đang sinh sống và làm việc ở Nhật Bản. Do vậy, đây là vụ án ly hôn có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục hòa giải: Bị đơn anh Trần Lê Trọng H hiện đang ở nước ngoài và có văn bản yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải. Căn cứ khoản 4 Điều 207 và khoản 1 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không mở phiên hòa giải.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn theo con đường bưu chính. Ngày 15/01/2019, bị đơn anh Trần Lê Trọng H có văn bản trình bày ý kiến và đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, được đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự. Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về tình cảm:

Chị Lê Thị T và anh Trần Lê Trọng H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 07/7/2016 tại Ủy ban nhân dân phường T1, thị xã H, tỉnh T2. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, anh H theo học chương trình kỹ sư và làm việc tại Nhật Bản còn chị T vẫn sinh sống tại Việt Nam. Mối liên hệ giữa vợ chồng ngày càng thưa dần, nhiều mâu thuẫn xảy ra không thể giải quyết và đến nay không còn liên lạc. Nay cả chị T và anh H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung thực tế không có, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Qua xác minh tại địa phương cho biết: Chị T hiện sinh sống ở Việt Nam, còn anh H lại sống ở Nhật Bản nên hai người không cùng sống chung, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, hạnh phúc không đạt được.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Trần Lê Trọng H đã trầm trọng, về thực tế đời sống chung vợ chồng không có,

hai bên không còn liên hệ với nhau, vợ chồng không thực hiện nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục kéo dài cũng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh H.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh H không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh H không có nợ chung, tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, Điều 469, khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về tình cảm: Cho chị Lê Thị T ly hôn anh Trần Lê Trọng H.

2. Về án phí:

Nguyên đơn chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2010/000581 ngày 10/12/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Chị T đã nộp đủ.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- UBND p.T1, TX H, tỉnh T2;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)
Nguyễn Thị Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Biên **Phan Thị Gái** **Nguyễn Thị Hà**